TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; địa chỉ trụ sở: 2 C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Khải H, chức vụ: Quyền Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Đức Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Phòng Giao dịch huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ: 1 khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Đức Q là ông Phạm Như Q1, sinh năm 1992; địa chỉ: A khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (ông Q1 có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1980 và ông Đặng Trúc T1, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: số A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Ngày 05/10/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Phòng giao dịch huyện T có cấp tín dụng cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022. Thông tin khoản vay chi tiết như sau: Số tiền vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 14,9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay nuôi tôm (thủy sản nội địa). Khoản cấp tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ chứng thực ngày 04/10/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BĐ chứng thực ngày 05/10/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre; thông tin tài sản chi tiết như sau: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 974973, số vào sổ cấp GCN: CS03366 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Nhiều lần Ngân hàng Thương mại Cổ phần N ban hành Thông báo để yêu cầu bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện nên khoản vay của bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh tính đến thời điểm ngày 10/3/2025 tổng cộng là 562.738.091 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.185.754 đồng, lãi quá hạn 127.609.315 đồng và lãi chậm trả 4.943.022 đồng.

- Yêu cầu bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 06/10/2022 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 18/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần N.

Trong trường hợp, bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được

quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 974973, số vào sổ cấp GCN: CS03366 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ chứng thực ngày 04/10/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BĐ chứng thực ngày 05/10/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nghĩa vụ nợ thì bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Về chi phí tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, Ngân hàng Thương mại cổ phần N tự nguyện nộp toàn bộ.

Bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, buộc bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh tính đến thời điểm ngày 10/3/2025 tổng cộng là: 562.738.091 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.185.754 đồng, lãi quá hạn 127.609.315 đồng và lãi chậm trả 4.943.022 đồng, tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp bà T và ông T1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022; hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ ngày 04/10/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BD ngày 05/10/2022 đã thể hiện đầy đủ họ tên, năm sinh và địa chỉ của bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1, quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là ông Phạm Như Q1 có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Như Q1.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 trả số tiền 562.738.091 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.185.754 đồng, lãi quá hạn 127.609.315 đồng và lãi chậm trả 4.943.022 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 11/3/2025 đến khi bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 trả hết nợ theo các thỏa thuận đã ký kết. Trường hợp bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 974973, số vào sổ cấp GCN: CS03366 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022; hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ ngày 04/10/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BĐ ngày 05/10/2022; giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 06/10/2022 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 18/10/2022; bảng kê chiết tính các khoản nợ gốc nợ lãi tính đến hết ngày 10/3/2025. Thấy rằng, hợp đồng tín dụng từng lần, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N với bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 xét về hình thức và nội dung là phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng, các hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện có hiệu lực thi hành đối với các bên nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các nội dung đã giao kết làm cơ sở để giải quyết vụ án. Do bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N theo các thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần N nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tạm tính đến ngày 10/3/2025 là 562.738.091 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 11/3/2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 06/10/2022 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 18/10/2022 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Thấy rằng, Ngân hàng cùng với bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã thỏa thuận thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán cho khoản vay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 974973, số vào sổ cấp GCN: CS03366 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1. Ngân hàng cùng với bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ ngày 04/10/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BĐ ngày 05/10/2022, các hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng C và có đăng ký thế chấp tại

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 thế chấp tài sản để đảm bảo việc trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại nghi định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: tổng cộng là 1.200.000 đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[9] Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1.

Buộc bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tổng cộng là 562.738.091 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.185.754 đồng, lãi quá hạn 127.609.315 đồng và lãi chậm trả 4.943.022 đồng.

Buộc bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần N theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0254/2022/609-TD-CV ngày 05/10/2022, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 06/10/2022 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/609-TD-CV ngày 18/10/2022.

Trường hợp bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0099/2021/609-TD-BĐ ngày 04/10/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/SĐ-0099/2021/609-TD-BĐ ngày 05/10/2022 đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4,

tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 974973, số vào sổ cấp GCN: CS03366 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/5/2017 cho bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N cho đến khi hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tự nguyện nộp số tiền 1.200.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Bà Mai Thị Kim T và ông Đặng Trúc T1 có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 26.509.524 đồng.

3.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.255.000 đồng theo biên lai thu số 0010950 ngày 01/4/2025.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú